

PHỤ LỤC

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Tp. HCM

Biểu mẫu 20

(Kèm theo công văn số 5901/BGDĐT-KHTC ngày 17 tháng 10 năm 2014
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

THÔNG BÁO

Công khai cam kết chất lượng đào tạo của
cơ sở giáo dục đại học năm học 2017 - 2018

TT	Nội dung	Hệ đào tạo chính quy			
		Tiến sỹ	Thạc sỹ	Đại học	Cao đẳng
I	Điều kiện tuyển sinh	- Theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy của BGDĐT; - Quyết định số 22/2001/QĐ-BGDĐT ngày 26/06/2001 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về đào tạo cấp bằng tốt nghiệp ĐH thứ hai.			
II	Điều kiện cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục cam kết phục vụ người học (như phòng học, trang thiết bị, thư viện ...)	- Trường hiện có 5 cơ sở đào tạo, Trường đã mua 21.000 m² tại Hóc Môn, đã làm Lễ khởi công xây dựng ngày 20/9/2015, hiện nay đã hoàn thành phần thô, dự kiến xây dựng xong năm 2018. - Trường có phòng chuyên thực tập mạng viễn thông và lắp ráp máy tính cho sinh viên thực hành của Khoa Công nghệ Thông tin và các phòng luyện tiếng nước ngoài. - Thư viện - Trung tâm học liệu của trường với diện tích 1.934 m², có tương đối đủ sách, giáo trình tài liệu tham khảo thiết yếu tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ, giảng viên và sinh viên. Trường có thư viện điện tử được nối mạng phục vụ dạy học và nghiên cứu khoa học. Thư viện đã được trang bị phần mềm quản lý thư viện từ năm 2001. Năm 2012, thư viện trang bị phần mềm PSC Library information system.			
III	Đội ngũ giảng viên	- Trường có đủ số lượng giảng viên cơ hữu và thỉnh giảng để thực hiện chương trình giáo dục và nghiên cứu khoa học. - Trường có đội ngũ giảng viên đảm bảo đạt trình độ chuẩn chuyên môn được đào tạo theo chức danh nhà giáo, đảm bảo cơ cấu chuyên môn theo quy định; có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đào tạo, NCKH.			



IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học	Trường có các hoạt động hỗ trợ hiệu quả nhằm tăng tỷ lệ người tốt nghiệp có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo. Trường khuyến khích và tạo điều kiện để các khoa có kế hoạch chủ động quan hệ tiếp xúc với các Công ty, doanh nghiệp, đơn vị và cả các mạnh thường quân nhằm tham vấn, tham quan, tìm nguồn tài trợ, hỗ trợ nguồn lực tinh thần và vật chất cho các hoạt động giảng dạy và học tập của người dạy và người học. Đoàn, Hội tổ chức Ngày Hội việc làm giúp sinh viên hình thành kỹ năng mềm và học hỏi thực tế. Phối hợp với các Tổng Lãnh sự quán tại thành phố Hồ Chí Minh tổ chức "Ngày văn hóa các nước" để quảng bá thương hiệu của trường đến các cơ quan, công ty nước ngoài trên địa bàn thành phố.
V	Yêu cầu về thái độ học tập của người học	Nghiêm túc học tập đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu môn học trong chương trình đào tạo theo quy định; thái độ ứng xử văn minh; ý thức làm việc theo nhóm.
VI	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, trình độ ngoại ngữ đạt được	- Trường thống nhất áp dụng chuẩn tin học văn phòng MOS và chuẩn tiếng Anh TOEIC từ khóa tuyển sinh 2013. Chuẩn TOEIC hệ cao đẳng 350, hệ ĐH từ 450-600, riêng ngành ngôn ngữ Anh là 650. Đối với tiếng Trung, Nhật, Hàn áp dụng tiêu chuẩn của các nước tương ứng. - Chuẩn ngoại ngữ của HUFLIT tương đương chuẩn B2 theo Châu Âu và khá cao so với yêu cầu chung của Bộ GD&ĐT đối với SV Tốt nghiệp đại học.
VII	Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp ở các trình độ	Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể làm việc theo từng ngành đào tạo khác nhau. Chất lượng đào tạo của Trường được khẳng định qua nhiều sinh viên tốt nghiệp ra trường được tiếp nhận vào làm việc ở những nơi có yêu cầu cao về năng lực chuyên môn và ngoại ngữ như Vietnam Airlines, Jesta Pacific, Khách sạn New World, Khách sạn Sheraton, Khách sạn Equatorial, Khách sạn Majestic... Trường Đào tạo Việt-Mỹ, Việt-Úc... First Bank và một số ngân hàng lớn khác, nhiều người trở thành trưởng, phó phòng, khoa, ban hoặc giám đốc công ty... Rất nhiều sinh viên được thu nhận vào dạy các trường trung học phổ thông hoặc làm việc trong các cơ quan công quyền; mở công ty cá nhân và trực tiếp làm công tác quản lý điều hành, quản lý, giám đốc.

Người lập biểu

Nguyễn Long Trâm Anh

Tp. HCM, ngày 26 tháng 11 năm 2018
KÊ HIỆU TRƯỞNG
ĐẠI PHÓ HIỆU TRƯỞNG
 NGỎẠI NGỮ - TIN HỌC
 THÀNH PHỐ
 HỒ CHÍ MINH
 TS. Trần Thanh Nhân

Biểu mẫu 21

(Kèm theo công văn số 5901/BGDĐT-KHTC ngày 17 tháng 10 năm 2014)

THÔNG BÁO

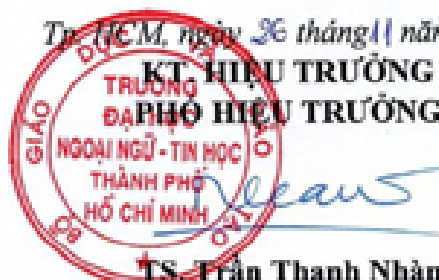
**Công khai cam kết chất lượng đào tạo thực tế của
cơ sở giáo dục đại học năm học 2017 - 2018**

TT	Nội dung	Khóa học/ Năm tốt nghiệp	Số sinh viên nhập học	Số sinh viên tốt nghiệp	Phân loại tốt nghiệp (%)				Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm
					Loại Giỏi	Loại Khá	Loại TB Khá	Loại TB	
I	Đại học chính quy								
1	Công nghệ thông tin	2013/2017	103	42	11.9%	40.5%	42.9%	4.8%	100
2	Ngôn ngữ Anh	2013/2017	487	193	7.3%	55.4%	34.2%	3.1%	99,15
3	Ngôn ngữ Trung Quốc	2013/2017	38	30	6.7%	60.0%		33.3%	100
4	Quan hệ quốc tế	2013/2017	230	97	5.2%	73.2%	21.6%		100
5	Đông Phương học	2013/2017	289	103	15.5%	64.1%	20.4%	1.9%	96,67
6	Quản trị kinh doanh	2013/2017	449	287	0.7%	38.0%	53.7%	7.7%	98,38
9	Tài chính - Ngân hàng	2013/2017	127	56	12.5%	69.6%	17.9%		100
10	Kế toán	2013/2017	113	60	8.3%	60.0%	31.7%		100
II	Đại học Đào tạo bằng 2 CQ								
		2014/2017	103	85					SV không phản hồi
1	Ngôn ngữ Anh				2.4%	47.1%	47.1%	3.5%	
III	Đào tạo liên thông CD-ĐH CQ								
IV	Cao đẳng chính quy								
1	Ngành Tiếng Anh	2014/2017	127	32		31.3%	65.6%	3.1%	93,33
2	Ngành CNTT	2014/2017	82	7			57.1%	42.9%	100

Người lập biểu

ThS. Nguyễn Phước Đại

Tp. HCM, ngày 26 tháng 11 năm 2018



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học TP. HCM

Biểu mẫu 22

(Kèm theo công văn số 5901/BGDĐT-KHTC ngày 17 tháng 10 năm 2014
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

THÔNG BÁO

**Công khai cơ sở vật chất của
cơ sở giáo dục đại học năm học 2017 - 2018**

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Tổng số
I	Diện tích đất đai	ha	1,3
II	Diện tích sàn xây dựng	m ²	30,448
1	Giảng đường, Phòng học các loại		
	Số phòng	phòng	231
	Tổng diện tích	m ²	19,678
2	Phòng học máy tính		
	Số phòng	phòng	29
	Tổng diện tích	m ²	1,888
3	Phòng học ngoại ngữ		
	Số phòng	phòng	5
	Tổng diện tích	m ²	380
4	Thư viện/Trung tâm học liệu	m ²	1,934
5	Phòng thí nghiệm		
	Tổng diện tích	m ²	1,023
6	Xưởng thực tập, thực hành		
	Tổng diện tích	m ²	0
7	Ký túc xá thuộc cơ sở đào tạo quản lý		
	Số phòng	phòng	0
	Tổng diện tích	m ²	0
8	Diện tích nhà ăn của cơ sở đào tạo	m ²	0
9	Diện tích khác:		5,545
	Diện tích hội trường	m ²	1,609
	Diện tích phòng chức năng	m ²	3,936

Người lập biểu



Huỳnh Thị Nhi



TP. HCM, ngày 26 tháng 11 năm 2018

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

THÀNH PHỐ
HỒ CHÍ MINH

TS. Trần Thanh Nhân

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - TIN HỌC TP HCM

Biểu mẫu 23

(Kèm theo công văn số 5901/BGDĐT-KHTC ngày 17 tháng 10 năm 2014
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu
của cơ sở giáo dục đại học năm học 2017 - 2018**

Đơn vị tính: Người

TT	Nội dung	Tổng số	Chia theo trình độ đào tạo						
			Giáo sư	Phó GS	TSKH, Tiến sỹ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trình độ khác
	1	2 (3+4+5+6 +7+8+9)	3	4	5	6	7	8	9
	Tổng số	385	1	1	37	306	40		
1	Khoa Quản trị kinh doanh	69			6	59	4		
2	Khoa Kinh tế-Tài chính	24			4	20			
3	Khoa Du lịch-Khách sạn	31			4	25	2		
4	Bộ môn Luật	15			2	13			
5	Khoa Công nghệ thông tin	55			6	43	6		
6	Khoa Ngoại ngữ	104			5	88	11		
7	Khoa Ngôn ngữ và VH PD	35	1		4	25	5		
8	Khoa Quan hệ quốc tế	28		1	2	25			
9	Khoa LLCT và các môn học CB	24			4	8	12		

Người lập biểu



Đinh Diệu Thúy

Tp. HCM, ngày 26 tháng 11 năm 2018



TS. Trần Thanh Nhân

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Trường ĐH Ngoại ngữ - Tin học Tp. HCM

Biểu mẫu 24

(Kèm theo công văn số 5901/BGDĐT-KHTC ngày 17 tháng 10 năm 2014
của Bộ giáo dục và Đào tạo)

THÔNG BÁO

**Công khai tài chính của cơ sở giáo dục đại học
Năm học 2017 - 2018**

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Học phí 1SV/năm
I	Học phí hệ chính quy chương trình đại trà năm học 2017-2018	<i>nghìn đồng/tín chỉ</i>	
1	Tiến sĩ	<i>nghìn đồng/tín chỉ</i>	
2	Thạc sĩ	<i>nghìn đồng/tín chỉ</i>	1,000
3	Đại học	<i>nghìn đồng/tín chỉ</i>	640
4	Cao đẳng	<i>nghìn đồng/tín chỉ</i>	600
5	Trung cấp chuyên nghiệp	<i>nghìn đồng/tín chỉ</i>	
I	Học phí hệ chính quy VB2 năm học 2017-2018	<i>nghìn đồng/tín chỉ</i>	
1	Tiến sĩ	<i>nghìn đồng/tín chỉ</i>	
2	Thạc sĩ	<i>nghìn đồng/tín chỉ</i>	
3	Đại học	<i>nghìn đồng/tín chỉ</i>	620
4	Cao đẳng	<i>nghìn đồng/tín chỉ</i>	
5	Trung cấp chuyên nghiệp	<i>nghìn đồng/tín chỉ</i>	
II	Học phí hệ vừa học vừa làm tại trường năm học 2017-2018	<i>nghìn đồng/tín chỉ</i>	
1	Tiến sĩ	<i>nghìn đồng/tín chỉ</i>	
2	Thạc sĩ	<i>nghìn đồng/tín chỉ</i>	
3	Chuyên khoa Y cấp I	<i>nghìn đồng/tín chỉ</i>	
4	Đại học	<i>nghìn đồng/đvht</i>	620
5	Cao đẳng	<i>nghìn đồng/tín chỉ</i>	
IV	Tổng thu năm 2017	<i>tỷ đồng</i>	296.10
1	Từ ngân sách	<i>tỷ đồng</i>	
2	Từ học phí, lệ phí	<i>tỷ đồng</i>	289.00
3	Từ các TT, chi nhánh và dịch vụ của trường	<i>tỷ đồng</i>	0.60
4	Từ nguồn khác (liên kết tổ chức Hội thảo, tài trợ, học phí khác)	<i>tỷ đồng</i>	6.50

Người lập biểu

Huỳnh Thị Nhi

Đã kiểm tra, ngày 26 tháng 11 năm 2018
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - TIN HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TS. Trần Thanh Nhân

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Trường ĐH Ngoại ngữ - Tin học Tp. HCM

Biểu tổng hợp

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Tổng số
1	Số ngành trường đang đào tạo	<i>ngành</i>	
1.1	<i>Đại học</i>	<i>ngành</i>	12
1.2	<i>Cao đẳng</i>	<i>ngành</i>	
2	Số ngành trường đã công bố chuẩn đầu ra	<i>ngành</i>	
2.1	<i>Đại học</i>	<i>ngành</i>	12
2.2	<i>Cao đẳng</i>	<i>ngành</i>	3
3	Diện tích đất của trường	<i>ha</i>	1.3
4	Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo	<i>m²</i>	30,448
4.1	<i>Diện tích giảng đường/phòng học</i>	<i>m²</i>	27,491
4.2	<i>Diện tích thư viện</i>	<i>m²</i>	1,934
4.3	<i>Diện tích phòng thí nghiệm</i>	<i>m²</i>	1,023
4.4	<i>Diện tích nhà xưởng thực hành</i>	<i>m²</i>	0
5	Diện tích sàn xây dựng ký túc xá của trường	<i>m²</i>	0
6	Tổng số giảng viên cơ hữu, hợp đồng dài hạn	<i>người</i>	385
6.1	<i>Giáo sư</i>	<i>người</i>	1
6.2	<i>Phó giáo sư</i>	<i>người</i>	1
6.3	<i>Tiến sĩ</i>	<i>người</i>	37
6.4	<i>Thạc sĩ</i>	<i>người</i>	306
6.5	<i>Chuyên khoa Y cấp I + II</i>	<i>người</i>	
6.6	<i>Đại học</i>	<i>người</i>	40
6.7	<i>Cao đẳng</i>	<i>người</i>	
6.8	<i>Trình độ khác</i>	<i>người</i>	
7	Tổng số học viên, sinh viên, học sinh hệ chính quy	<i>người</i>	9,613
7.1	<i>Nghiên cứu sinh</i>	<i>người</i>	
7.2	<i>Cao học</i>	<i>người</i>	88
7.3	<i>Chuyên khoa Y cấp II</i>	<i>người</i>	
7.5	<i>Chuyên khoa Y cấp I</i>	<i>người</i>	
7.4	<i>Đại học</i>	<i>người</i>	9,368
7.6	<i>Cao đẳng</i>	<i>người</i>	157
7.7	<i>Trung cấp chuyên nghiệp</i>	<i>người</i>	
8	Tỷ lệ giảng viên cơ hữu từ thạc sĩ trở lên	%	89.6%
9	Tổng thu năm 2017	<i>tỷ đồng</i>	296.10
9.1	<i>Từ ngân sách nhà nước</i>	<i>tỷ đồng</i>	0.00
9.2	<i>Từ học phí, lệ phí</i>	<i>tỷ đồng</i>	289.00
9.3	<i>Từ các tt, chi nhánh và dịch vụ của trường</i>	<i>tỷ đồng</i>	0.60



9.4	Từ nguồn khác	tỷ đồng	6.50
-----	---------------	---------	------

Lưu ý: Các TSKH và Tiền sỹ nếu đã tính trong mục Giáo sư (6.1), Phó giáo sư (6.2) thì không
Tp. HCM, ngày 25 tháng 11 năm 2018

Người lập biểu



ThS. Nguyễn Phước Đại



KỶ HIỆU TRƯỜNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Trần Thanh Nhân

